

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20-8-2024

V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào

2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huỳnh Mai – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Diễm TR, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Mỹ V, sinh năm: 1995; Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh T; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Diễm TR trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và chồng tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2016. Có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T.

- Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân: do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng nhau nên thường xuyên gây gổ, cãi vã. Vợ

chồng đã ly thân với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai.

Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Trần Mỹ V.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Thanh S sinh ngày 05-4-2017. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu chồng cấp dưỡng 2.000.000/tháng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: trong thời gian chung sống, vợ chồng có mượn của chị Trần Thị Diễm TR số tiền 160.000.000 đồng để vợ chồng trả nợ cho người khác. Nay vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu chia đôi nợ chung, mỗi người có trách nhiệm trả cho chị Kiều số tiền 80.000.000 đồng.

* *Tại Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 24-7-2024:* Chị TR đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

* *Đối với bị đơn anh Trần Mỹ V:*

Quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh V vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Anh V đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V là đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Diễm TR đối với anh Trần Mỹ V; Về con chung: Giao cháu Trần Thanh S sinh ngày 05-4-2017 cho chị TR nuôi dưỡng. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết. Về án phí, chị TR, anh V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết, anh V đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng anh V vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do

nên áp dụng điểm điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị TR và anh V kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 208 ngày 01-12-2015 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét lời trình bày của chị TR thấy rằng: Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng ly thân nay chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh V. Anh V đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải về hôn nhân và đến khi xét xét xử anh V vắng mặt, không trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân.

Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trình bày của chị TR và xác định hôn nhân của anh chị không còn tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét xử cho anh chị được ly hôn.

[2.2] Về con chung:

Chị TR và anh V có 01 người con chung tên Trần Thanh S sinh ngày 05-4-2017. Xét thấy, cháu Sang đang sống cùng với chị TR, do trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tâm tư tình cảm của các cháu gắn liền với chị TR và cháu Sang có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Để đảm bảo về nhu cầu vật chất, tinh thần và quyền lợi của con chung, chị TR yêu cầu được nuôi cháu sau khi ly hôn, xét yêu cầu của chị TR phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Sang cho chị TR tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Về cấp dưỡng, chị TR yêu cầu anh V cấp dưỡng cho cháu Sang 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, nghĩa vụ nuôi con chung thuộc về cha mẹ. Hiện nay cháu Sang đang ở độ tuổi đi học, để cho con được học tập và phát triển bình thường và để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của cháu thì yêu cầu của chị TR về mức cấp dưỡng cho con là hợp lý.

Về quyền thăm con chung sau khi ly hôn: anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: chị TR trình bày không có, không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị TR đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với nợ chung. Do đó, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về nợ chung.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: chị Trần Thị Diễm TR phải chịu án phí 300.000 đồng án phí

dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Mỹ V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Diễm TR đối với anh Trần Mỹ V.

Chị Trần Thị Diễm TR được ly hôn với anh Trần Mỹ V; Chị Trần Thị Diễm TR và anh Trần Mỹ V không còn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

2. Về con chung: Trần Thanh S sinh ngày 05-4-2017 cho chị TR tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu chi

Buộc anh Trần Mỹ V cấp dưỡng cho cháu Sang mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Sang đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị TR có đơn thi hành án, nếu anh V chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Anh Trần Mỹ V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị TR không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về nợ chung.

4. Về án phí sơ thẩm: chị Trần Thị Diễm TR phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Huế đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0013969 ngày 19-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Chị Trần Thị Diễm TR đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Trần Mỹ V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương nơi có trụ sở.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THA Gò Dầu;
- UBND thị trấn Gò Dầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang

